

Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 237/2026/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1998;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2017;

+ Cháu Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 06/10/2020;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu T và cháu D1: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Xuân D và chị Hoàng Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là UBND xã T), tỉnh Hưng Yên vào ngày 20/5/2016 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị

bình thường, đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con chung, lối sống, suy nghĩ của hai người khác nhau khiến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, kinh tế vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, kinh tế của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu dẫn đến kinh tế gặp nhiều khó khăn, dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn mục đích sống chung nữa. Khoảng đầu tháng 6/2025, anh D và chị H quyết định sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh D và chị H có chung quan điểm xác định, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2017 và cháu Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 06/10/2020. Ly hôn, anh D và chị H thỏa thuận thống nhất, giao cả hai cháu Bảo T và cháu Thùy D1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2026 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D và chị H thỏa thuận, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D. Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Anh D và chị H đều có chung quan điểm xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh D và chị H thỏa thuận, anh D tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 21/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân D và chị Hoàng Thị Thu H thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân D và chị Hoàng Thị Thu H có chung quan điểm xác định, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23/10/2017 và cháu Nguyễn Thùy D1, sinh ngày 06/10/2020. Ly hôn, anh D và chị H thỏa thuận thống nhất, giao cả hai cháu Bảo T và cháu Thùy D1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2026 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D và chị H thỏa thuận, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D. Sau khi ly hôn, chị Hoàng

Thị Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Anh Nguyễn Xuân D và chị Hoàng Thị Thu H xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Xuân D và chị Hoàng Thị Thu H thỏa thuận, anh D tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0001927 ngày 15/4/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Anh D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T, GCNKH số 28/2016;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền